

Phụ lục số 4
DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ HỌC NGOẠI NGỮ CÓ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI DẠY

Học kỳ 2 năm học 2023-2024

- Căn cứ vào biên bản họp số: 309/BB-Tr. TH ngày 25/8/2023 của Trường TH Hạ Long Hợp Ban Đại diện cha mẹ HS nhà trường, Hội đồng trường và giáo viên, nhân viên "V/v Triển khai tổ chức các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục đặc năm học 2023-2024";
- Căn cứ kế hoạch số 318/KH-Tr. TH ngày 29/8/2023 của Trường TH Hạ Long "Tổ chức các hoạt động dịch vụ trong nhà trường năm học 2023-2024";
- Căn cứ vào biên bản họp số: 398/BB-Tr. TH ngày 06/10/2023 của Trường TH Hạ Long Hợp Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường và giáo viên "V/v thống nhất việc tổ chức các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục năm học 2023-2024";
- Căn cứ vào biên bản họp số: 400/BB-Tr. TH ngày 7/10/2023 của Trường TH Hạ Long "Hợp Ban Đại diện CMHS và Trường Ban đại diện CMHS 49 lớp về việc triển khai nhiệm vụ năm học & thống nhất thực hiện các khoản thu dịch vụ năm 2023-2024";
- Tổng số học sinh toàn trường: 1.706, số HS tham gia dịch vụ: 1.410 Học sinh, số HS bình quân mỗi lớp: 30 hs/47 lớp, học 2 tiết/tuần (8 tiết/tháng). Mức thu: 30.000đ/hs x 8 tiết = 240.000đ/hs/tháng

1. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối đa %	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng				Số chi học kỳ 2 năm học 2023-2024		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền		
A	B			1	2	3	4=2*3	5	6=4*5	11
1	Chi trả đơn vị liên kết đào tạo cung cấp giáo viên người nước ngoài	~77%	Tiết		11.280	23.000	259.440.000	5	1.297.200.000	Căn cứ vào kết quả Điều trần rộng rãi.
2	Chi tại trường	~23%					78.960.000		379.800.000	
2,1	Chi trả thù lao cho giáo viên ngoại ngữ của cơ sở giáo dục được phân công trợ giảng		Giờ dạy		376	64.000	24.064.000	5	120.320.000	Theo Phụ lục 4.2: 83.944đ/giờ. Chi 64.000đ/h (8 tiết/tuần x 47 lớp = 376 tiết/tháng)
2,2	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)						26.496.000		155.980.000	
	- Kế toán		Giờ		45	90.000	4.050.000	5	20.250.000	Theo phụ lục 4.2: 90.000đ/h. mức chi 90.000đ/h (1h/lớp* 47 lớp)= 47h/tháng
	- Lãnh đạo phụ trách (3 đ/c)		Giờ				15.866.000	5	79.330.000	
	Hiệu trưởng				40	140.000	5.600.000	5	28.000.000	Theo phụ lục 4.2: 141.327đ/h. Số giờ làm thêm: 40,4h/tháng. Biểu tính chi tiết số giờ làm thêm trong Kế hoạch số 480/KH-Tr. TH ngày 08/11/2023 (Mức chi 40h /tháng x 140.000đ/h)
	PHT (Đ/c Đình Thanh Nhân)				35	150.000	5.250.000	5	26.250.000	Theo phụ lục 4.2: 151.439đ/h. Số giờ làm thêm: 35,6h/tháng. Biểu tính chi tiết số giờ làm thêm trong Kế hoạch số 480/KH-Tr. TH ngày 08/11/2023 (Mức chi 35 h/tháng x 150.000đ/h)
	PHT (Đ/c Vũ Thu Hương)				44	114.000	5.016.000	5	25.080.000	Theo phụ lục 4.2: 114.017đ/h. Số giờ làm thêm: 44,6 h. Biểu tính chi tiết số giờ làm thêm trong Kế hoạch số 480/KH-Tr. TH ngày 08/11/2023 (Chi 44h /tháng x 114.000đ/h)
	- Quản lý lớp (Đầu giờ và giờ chuyển tiết)		Giờ		94	70.000	6.580.000	5	32.900.000	Theo phụ lục 4.2: 82.609đ/h. Chi 70.000đ/h (30 phút x 4 tuần)= 120/60=2h. (2h x 47 lớp = 94h/tháng)

2.3	Sửa chữa cơ sở vật chất		Lớp	47	100.000	4.700.000	5	23.500.000	Hạng mục sửa chữa nền nhà phòng học. (Kèm theo bảng tổng hợp dự toán)
2.4	Phục vụ vệ sinh					13.932.000		69.660.000	Chi phí vệ sinh: nước tẩy rửa, giấy vệ sinh
	Tiền vệ sinh lớp học		Lớp	47	120.000	5.640.000	5	28.200.000	(15.000 đ* 8 buổi) = 120.000đ/lớp/tháng
	Nước rửa tay lifebuoy Loại 3,8 lít		Chai	5	310.000	1.550.000	5	7.750.000	2 can/ khối (2 can x 5 khối = 10 can)
	Giấy gấu trúc loại Việt Nam		Giấy	47	60.000	2.820.000	5	14.100.000	1 giấy /lớp x 47 lớp
	Quạt trần : 75 w/chiếc		KW	74	2.037	150.738	5	753.690	188 chiếc *75w* 5,3h = 75số điện (47 lớp x 4 quạt)
	Bóng đèn tủyp: 40w/ chiếc		KW	158	2.037	320.542	5	1.602.710	752cái x 40W x 5,3 h = 160 số điện (47 lớp x 16 bóng)
	Nước sinh hoạt		M3	12	14.560	174.720	5	873.600	400m3đ/22 ngày/8h x 5,3 h= 12m3
	Nước uống		Bình	91	36.000	3.276.000	5	16.380.000	(2 bình *47 lớp= 94 bình)
3	Thuế					6.768.000		33.840.000	
	2% nộp thuế DV		Tháng	1	6.768.000	6.768.000	5	33.840.000	
4	Chi phí tư vấn đầu thầu (Chi theo thực tế)			1	3.000.000	3.000.000	5	15.000.000	Áp dụng khoản 7, Điều 9, ND 63/2014/NĐ-CP, Gối từ 1 tỷ đến 2 tỷ: Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT: 10.000.000đ, Tư vấn thẩm định HSMT và kết quả LCNT: 5.000.000đ
	Tổng cộng số tiền chi (Mục 1+2)					338.400.000			

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	Mức thu tiết dạy			
1	Tổng kinh phí chi cả năm	Đồng	36.000.000	7.200.000
2	Số học sinh/ lớp	Hs/ lớp	30	
3	Tổng số tháng học	Tháng	5	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/thang	8	
5	Tổng số giờ dạy/năm(5=3*4)	Giờ dạy/năm	40	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp (6=1/5)	Đồng	900.000	
7	Số tiền thu của 1 học sinh, giờ dạy (7=6/2)	Đồng	30.000	30.000

Ban đại diện cha mẹ học sinh
Trưởng ban

Đại diện công đoàn nhà trường
CTCB

Kế toán

Hiệu trưởng

Lê Việt Hà

Đỗ Thị Hải Ninh

Đoàn Thị Thanh



Nguyễn Thị Thu Thủy

Phụ lục số 5

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ HỌC KỲ NĂNG SỎNG
học kỳ 2 năm học 2023-2024

- Căn cứ vào biên bản hợp số: 309/BB-Tr.TH ngày 25/8/2023 của Trường TH Hạ Long Hợp Ban Đại diện cha mẹ HS nhà trường, Hội đồng trường và giáo viên, nhân viên "V/v Triển khai tổ chức các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục năm học 2023-2024",
- Căn cứ kế hoạch số 318/KH-Tr.TH ngày 29/8/2023 của Trường TH Hạ Long "Tổ chức các hoạt động dịch vụ trong nhà trường năm học 2023-2024",
- Căn cứ vào biên bản hợp số: 398/BB-Tr.TH ngày 06/10/2023 của Trường TH Hạ Long Hợp Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường và giáo viên "V/v thống nhất việc tổ chức các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục năm học 2023-2024",
- Căn cứ vào biên bản hợp số: 400/BB-Tr.TH ngày 7/10/2023 của Trường TH Hạ Long "Hợp Ban Đại diện CMHS và Trường Ban đại diện CMHS 49 lớp về việc triển khai nhiệm vụ năm học & thống nhất thực hiện các khoản thu dịch vụ năm 2023-2024",
- Tổng số học sinh 1.706, số HS tham gia dịch vụ 1.410, Số HS bình quân mỗi lớp: 30hs/47 lớp, học 1 tiết/tuần (4 tiết/tháng). Mức thu 15.000đ/tiết/hs x 4 tiết = 60.000đ/hs/tháng

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối đa %	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi học kỳ 2 năm học 2023-2024		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số thửa	Thành tiền	
A	B		1	2	3	4=2*3	5	6=4*5	11
A	Chi phí tiết dạy								
1	Chi trả đơn vị liên kết đào tạo	70%	Tiết	5.640	10.500	59.220.000	5	296.100.000	Căn cứ vào kết quả chào hàng cạnh tranh thông thường
2	Chi tại trường	30%				25.380.000		96.690.000	
2,1	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)					15.400.800		77.004.000	Theo quyết định phân công cán bộ tham gia trực tiếp quản lý công tác này, mức chi do đơn vị tự thỏa thuận
	- Kế toán		Giờ	31	90.000	2.790.000	5	13.950.000	Theo PL 4.2: 90.000đ/h. (Chi 90.000đ/h (40h/lớp * 49 lớp/60 = 32,6h/tháng)
	- Lãnh đạo phụ trách (3 đ/c)		Giờ			9.320.800	5	46.604.000	
	Hiệu trưởng			23	140.000	3.220.000	5	16.100.000	Theo phụ lục 4.2: 141.327đ/h. Số giờ làm thêm: 24h/tháng. Biểu tính chi tiết số giờ làm thêm trong Kế hoạch số 481/KH-Tr.TH ngày 08/11/2023 (Mức chi 23h /tháng x 140.000đ/h)

	PHT (Đ/c Đinh Thanh Nhân)			20	150.000	3.000.000	5	15.000.000	Theo phụ lục 4.2: 151.439đ/h. Số giờ làm thêm: 20h/tháng. Biểu tính chi tiết số giờ làm thêm trong Kế hoạch số 481/KH-Tr. TH ngày 08/11/2023 (Mức chi 20h /tháng x 150.000đ/h)
	PHT (Đ/c Vũ Thu Hương)			27,2	114.000	3.100.800	5	15.504.000	Theo phụ lục 4.2: 114.017đ/h. Số giờ làm thêm: 20h/tháng. Biểu tính chi tiết số giờ làm thêm trong Kế hoạch số 481/KH-Tr. TH ngày 08/11/2023 (Mức chi 27,2h /tháng x 114.000đ/h)
	- Quản lý lớp (Đầu giờ và giờ chuyển tiết)		Giờ	47	70.000	3.290.000	5	16.450.000	Theo PL 4.2: 82.609đ/h. Chi 70.000đ/h (15 phút x 4 tuần)= 60/60=1h (1h x 47 lớp=47h/tháng)
2,2	Sửa chữa cơ sở vật chất		Lớp	47	50.000	2.350.000	5	11.750.000	Hàng mục sửa chữa bàn ghế các phòng học. (Kèm theo bảng tổng hợp dự toán)
2,3	Phục vụ vệ sinh					3.937.200		19.686.000	Chi phí vệ sinh: nước tẩy rửa, giấy vệ sinh
	Tiền vệ sinh lớp học		Lớp	47	60.000	2.820.000	5	14.100.000	(15.000 đ* 4 buổi) = 60.000đ/lớp/tháng
	Giấy vệ sinh công nghiệp 2 lớp (loại 800Gram)		Cuộn	25	31.000	775.000	5	3.875.000	6 cuộn/1 khu (3 Khu x 6 = 18 cuộn) + Khu 3: 7 cuộn) = 25 cuộn/tháng
	Quạt trần : 75 w/chiếc		KW	42	2.037	85.554	5	427.770	188 chiếc *75w* 3h = 42 số điện (47 lớp x 4 quạt)
	Bóng đèn tuýp: 40w/ chiếc		KW	90	2.037	183.330	5	916.650	752 cái x 40W x 3 h = 90 số điện (47 lớp x 16 bóng)
	Nước sinh hoạt		M3	5	14.560	73.316	5	366.580	400m3đ/22 ngày/8h x 3 h = 6,8m3
3	Thuế 2% tổng thu		%			1.692.000		-	
	2% nộp thuế DV		Tháng	1	1.692.000	1.692.000	5	8.460.000,00	
4	Chi phí tư vấn đầu thầu (Chi theo thực tế)			1	2.000.000	2.000.000	5	10.000.000	Áp dụng Khoản 7, Điều 9, ND 63/2014/NĐ-CP. Gợi từ 1 tỷ đến 2 tỷ: Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT: 6.000.000đ. Tư vấn thẩm định HSMT và kết quả LCNT: 4.000.000đ
	Tổng cộng số tiền chi (Mục 1+2)					84.600.000			

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	Mức thu chi phí tiết dạy			
1	Tổng kinh phí chi cả năm	Đồng	9.000.000	1.800.000
2	Số học sinh/ lớp	Hs/ lớp	30	
3	Tổng số tháng học	Tháng	5	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/t hang	4	
5	Tổng số giờ dạy/ năm($5=3*4$)	Giờ dạy/năm	20	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp	Đồng	450.000	
7	Số tiền thu của 1 học sinh, giờ dạy ($7=6/2$)	Đồng	15.000	15.000

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Trưởng ban



Lê Việt Hà

Đại diện công đoàn nhà trường

CTCB



Đỗ Thị Hải Ninh

Kế toán



Đoàn Thị Thanh

Hiệu trưởng

TRƯỜNG TIỂU HỌC HẠ LONG
BẢN NHÂN DÂN T. P. QUẢNG TRUNG
NGUYỄN THỊ THU THỦY